

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**ĐÀO THỊ THANH THỦY**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT  
RỦI RO TÍN DỤNG TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG  
TMCP CÔNG THƯƠNG BẮC ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng**  
**Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2013**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Hồ Hữu Tiến**

**Phản biện 1: TS. Nguyễn Hòa Nhân**

**Phản biện 2: PGS. TS. Nguyễn Thế Tràm**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh hợp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại :

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Tín dụng là một trong những hoạt động thường xuyên và chủ yếu của ngân hàng thương mại. Kiểm soát rủi ro tín dụng nhằm ngăn ngừa và xử lý rủi ro, hạn chế tổn thất là một khâu hết sức quan trọng trong hoạt động tín dụng, đảm bảo kinh doanh ngân hàng hiệu quả. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã và đang từng bước thực hiện các nội dung công việc của quản trị rủi ro tín dụng. Thời gian qua, tại chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng đã triển khai hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng nhưng hiệu quả của công tác này vẫn chưa được như mong đợi. Chính vì vậy, em chọn vấn đề “Hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng” là đề tài nghiên cứu cho luận văn của mình.

### **2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài**

- Góp phần hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại
- Phân tích thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại Chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại Chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng trong thời gian tới.

### **3. Đối tượng, phạm vi và cách tiếp cận nghiên cứu**

#### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là lý luận và thực tiễn công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay của Chi nhánh ngân hàng TMCP Công Thương Bắc Đà Nẵng.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung của đề tài: Thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay - một nội dung của công tác quản trị rủi ro tín dụng - nhằm phòng ngừa và xử lý có hiệu quả, hạn chế tổn thất của Chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng

- Về thời gian: Đề tài nghiên cứu thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng của Chi nhánh từ năm 2009 đến năm 2011.

### **3.3. Cách tiếp cận nghiên cứu**

Khảo sát thực tế về công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại Chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng; đánh giá những thành công, hạn chế cùng nguyên nhân; từ đó đề xuất các giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác này tại chi nhánh.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện các mục tiêu trên, luận văn đã sử dụng tổng hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp thống kê mô tả
- Phương pháp điều tra, khảo sát, phương pháp so sánh, tổng hợp, phương pháp chuyên gia
- Các phương pháp khác.

### **5. Bố cục của luận văn**

Chương 1: Lý luận cơ bản về kiểm soát rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng của Vietinbank- Bắc Đà Nẵng

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại Vietinbank- Bắc Đà Nẵng.

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

#### 1.1. TỔNG QUAN VỀ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NHTM

##### 1.1.1. Một số khái niệm

###### *Rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh của NHTM*

Khoản 1, điều 2 Quyết định 493/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNNVN, đề cập khái niệm “ Rủi ro tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết”.

##### 1.1.2. Đặc điểm của rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng mang tính gián tiếp.
- Rủi ro tín dụng có tính chất đa dạng và phức tạp.
- Rủi ro tín dụng có tính tất yếu.

##### 1.1.3. Nguyên nhân của rủi ro tín dụng

###### *a. Nguyên nhân từ phía khách hàng vay*

Ý chí và khả năng trả nợ có thể bị thay đổi do nhiều lý do khi khoản vay đã được tiến hành. Mặt khác, có thể do trình độ quản lý của khách hàng yếu kém dẫn đến khả năng sử dụng vốn vay kém hiệu quả hoặc thất thoát vốn sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng. Thêm nữa, nhiều khách hàng thiếu thiện chí trong việc trả nợ trong khi biện pháp xử lý thu hồi nợ của ngân hàng kém hiệu quả.

###### *b. Nguyên nhân từ phía ngân hàng cho vay*

Chính sách tín dụng không hợp lý; Do cán bộ tín dụng không tuân thủ chính sách tín dụng, không chấp hành qui trình cho vay; cán

bộ tín dụng vi phạm đạo đức kinh doanh; Do khả năng đánh giá rủi ro tín dụng khi thẩm định hồ sơ đề nghị cấp tín dụng của khách hàng kém; Do thiếu sự kiểm tra, giám sát sau cho vay dẫn đến khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích, không hiệu quả nhưng ngân hàng không phát hiện ra để ngăn chặn kịp thời; Định giá tài sản đảm bảo không chính xác hoặc không thực hiện đủ thủ tục pháp lý cần thiết dẫn đến tài sản đảm bảo không đủ khả năng thu hồi vốn vay.

### ***c. Nguyên nhân từ môi trường kinh doanh***

Nguyên nhân bất khả kháng như các thiệt hại từ thiên tai, bão lụt, hạn hán, hỏa hoạn và động đất; Thông tin không cân xứng; Môi trường kinh tế có ảnh hưởng đến sức mạnh tài chính của người đi vay và thiệt hại hay thành công đối với người cho vay; Chính sách Nhà nước; Môi trường pháp lý; Do sự cạnh tranh, các ngân hàng mong muốn có thị phần cho vay nhiều hơn ngân hàng khác.

#### **1.1.4. Hậu quả của rủi ro tín dụng**

##### ***a. Tác động đến ngân hàng***

Khi ngân hàng đối mặt với rủi ro tín dụng cũng có nghĩa là phải đối mặt với nguy cơ chất lượng tín dụng giảm- nợ quá hạn cao dẫn đến hệ số vòng quay vốn chậm, hiệu quả sử dụng vốn thấp. Đồng thời làm hạn chế khả năng mở rộng tín dụng và mức độ tăng trưởng tín dụng. Rủi ro tín dụng sẽ kéo theo đó là tổn thất về mặt tài chính. Nếu như rủi ro tín dụng ở mức độ nghiêm trọng, nguy cơ phá sản của ngân hàng là rất lớn.

##### ***b. Tác động đến nền kinh tế***

Sự rối loạn của các ngân hàng thương mại sẽ ảnh hưởng lớn đến toàn bộ nền kinh tế làm cho nền kinh tế bị suy thoái, giá cả tăng, sức mua giảm, thất nghiệp tăng, khủng hoảng tài chính, xã hội mất ổn định.

### **1.1.5. Quản trị rủi ro tín dụng của NHTM**

Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình ngân hàng vận dụng các phương pháp, công cụ phù hợp nhằm nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro tín dụng nhằm đạt được mục tiêu hạn chế tổn thất do rủi ro tín dụng gây ra trong giới hạn tự định.

Quá trình quản trị rủi ro tín dụng bao gồm 4 nội dung: Nhận dạng, đo lường, kiểm soát, tài trợ rủi ro tín dụng.

## **1.2. NỘI DUNG CỦA KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY CỦA NHTM**

### **1.2.1. Mục đích và yêu cầu kiểm soát rủi ro tín dụng**

### **1.2.2. Nội dung cơ bản của kiểm soát rủi ro tín dụng**

#### ***a. Hoạch định và thực thi chính sách tín dụng chặt chẽ***

Chính sách tín dụng được xây dựng nhằm lựa chọn khách hàng, đối tượng khách hàng, các điều kiện tín dụng để đảm bảo lợi nhuận và phân tán rủi ro. Có ba nội dung cần được quan tâm nhất, đó là: Mức độ tập trung, đảm bảo tín dụng và bảo hiểm tín dụng.

#### ***b. Thực hiện quy trình tín dụng chặt chẽ, rõ ràng, cụ thể***

- Sử dụng tốt kết quả xếp hạng và tái xếp hạng tín dụng nội bộ trong chính sách cho vay nhằm lựa chọn khách hàng.

- Thẩm định tín dụng nhằm lựa chọn khách hàng.

- Nội dung kiểm soát rủi ro trong hợp đồng tín dụng phải đảm bảo các điều kiện pháp lý chặt chẽ thuận lợi cho ngân hàng trong việc thu hồi nợ.

- Phân loại nợ và trích lập quỹ dự phòng xử lý rủi ro:

Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn): mức trích DPRR cụ thể 0%

Nhóm 2 (Nợ cần chú ý): mức trích DPRR cụ thể 5%

Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn): mức trích DPRR cụ thể 20%

Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ mất vốn): mức trích DPRR cụ thể 50%

Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn): mức trích DPRR cụ thể 100%

Ngoài trích lập dự phòng cụ thể, tổ chức tín dụng phải trích lập dự phòng chung bằng 0,75% tổng dư nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4.

- Giám sát nợ vay, khách hàng vay, thực hiện theo dõi thường xuyên tình trạng nợ, phân tích, đánh giá mức độ rủi ro đối với danh mục nợ, từ đó kịp thời đưa ra những điều chỉnh chính sách quản lý nợ phù hợp.

- Sớm phát hiện và xử lý nợ có vấn đề, chủ động tìm cách xử lý món vay có vấn đề thông qua thương lượng hoặc kiện nợ.

### ***c. Nhân sự***

Nhân sự làm công tác tín dụng phải nắm vững cơ chế, qui định, qui trình nghiệp vụ; có khả năng thẩm định độc lập, thu thập, phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin liên quan đến khách hàng, ngành hàng hoạt động của khách hàng nhằm phục vụ công tác thẩm định; hiểu biết sâu về báo cáo tài chính, các nghiệp vụ ngân hàng và các văn bản pháp quy nhằm phục vụ công tác thẩm định và đề xuất tín dụng.

### ***d. Tổ chức khai thác tốt nguồn thông tin tín dụng***

Các nguồn thông tin có thể khai thác từ bên ngoài gồm: Thông qua phỏng vấn khách hàng và người thân, các đối tác, thông tin từ các cơ quan hữu quan, thông tin từ phương tiện đại chúng, ....

Các nguồn thông tin có thể khai thác từ bên trong bao gồm: thông tin từ trung tâm thông tin tín dụng CIC và thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng tại dữ liệu lưu trữ tại tổ chức tín dụng.

### ***e. Công nghệ thông tin***

Đối với các tiêu chí an toàn theo quy định của ngân hàng nhà nước và cơ quan quản lý, một hệ thống công nghệ thông tin hiện đại sẽ có chức năng thường xuyên nhắc nhở và theo dõi cập nhật các



thông tin và kết quả của các chỉ tiêu này, giúp ban lãnh đạo ngân hàng chủ động trong việc ra các quyết định liên quan nhằm chèo lái ngân hàng theo con đường ổn định, an toàn và hiệu quả nhất.

### **1.2.3. Các tiêu chí phản ánh kết quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng của NHTM**

- Sự thay đổi cơ cấu dư nợ theo khả năng thu
- Mức giảm tỷ lệ nợ xấu
- Mức giảm tỷ lệ phát sinh nợ nhóm 2, nợ xấu bình quân
- Mức giảm tỷ lệ trích quỹ dự phòng rủi ro/ tổng dư nợ
- Mức giảm tỷ lệ dự phòng rủi ro cụ thể/ tổng dư nợ

### **1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả công tác kiểm soát rủi ro tín dụng**

**a. Nhân tố bên trong:** Công tác giám sát và quản lý sau khi cho vay chưa thực sự được chú trọng; Trình độ chuyên môn đạo đức nghề nghiệp cán bộ tín dụng; Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Sự hợp tác giữa các NHTM và NHNN

**b. Nhân tố bên ngoài:** Sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ vay; Khả năng quản lý kinh doanh kém; Tình hình tài chính doanh nghiệp yếu kém, thiếu minh bạch; Môi trường kinh tế không ổn định; Môi trường pháp lý chưa thuận lợi; Hiệu quả hoạt động thanh tra ngân hàng và đảm bảo an toàn hệ thống cũng làm một nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm soát rủi ro tín dụng.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TẠI VIETINBANK- BẮC ĐÀ NẴNG

#### 2.1. GIỚI THIỆU VỀ VIETINBANK- BẮC ĐÀ NẴNG

##### 2.1.1. Lịch sử ra đời

##### 2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ Vietinbank- CN Bắc Đà Nẵng

###### a. Ban giám đốc

###### b. Các Phòng Ban

##### 2.1.3. Tổ chức bộ máy và môi trường kinh doanh của Vietinbank- Bắc Đà Nẵng

###### a. Tổ chức bộ máy

###### b. Môi trường kinh doanh

##### 2.1.4. Kết quả hoạt động

**Bảng 2.1. Kết quả kinh doanh Vietinbank Bắc Đà Nẵng 2009-2011**

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	So sánh tăng giảm			
				2010/2009		2011/2010	
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Vốn huy động	252.121	432.368	602.713	180.247	71,5	170.345	39,4
Dư nợ cho vay	385.196	818.735	1.276.944	433.539	112,6	458.209	56,0
Lợi nhuận	18.922	20.877	20.771	1.955	10,3	-106	-0,5

*(Nguồn: Báo cáo thường niên Vietinbank Bắc Đà Nẵng 2009-2011)*

Nhìn chung, chi nhánh kinh doanh có lãi ổn định và tăng trưởng mạnh qua các năm.

#### 2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG CỦA VIETINBANK- BẮC ĐÀ NẴNG

### **2.2.1. Mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng Vietinbank Bắc Đà Nẵng giai đoạn 2009-2011**

Thực hiện thu nợ, giám sát khoản vay, không để phát sinh nợ quá hạn; kiểm soát chặt chẽ từng khoản vay, không để nợ nhóm 2, nợ xấu phát sinh; tích cực thu hồi nợ nhóm 2, nợ xấu; trích đúng và trích đủ quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của ngân hàng nhà nước; đảm bảo đủ nguồn dự phòng rủi ro để bù đắp rủi ro tín dụng.

### **2.2.2. Các biện pháp Vietinbank-Bắc Đà Nẵng thực hiện để kiểm soát rủi ro tín dụng**

#### ***a. Thực hiện chính sách tín dụng theo hướng nổi lỏng nhưng phải an toàn và hiệu quả***

- Tiêu chuẩn, điều kiện cấp giới hạn tín dụng, chi nhánh tuân thủ theo tiêu chuẩn và điều kiện của Vietinbank. Trong năm 2011, có 3.867 đề nghị cấp tín dụng của khách hàng. Chi nhánh đã thực hiện cấp tín dụng cho 3.213 khách hàng (chiếm tỷ trọng 83,08%), trình Hội sở phê duyệt cấp tín dụng cho 156 khách hàng (chiếm tỷ trọng 4,03%) và từ chối 498 trường hợp (chiếm tỷ trọng 12,89%).

- Chi nhánh đã thực hiện cấp giới hạn tín dụng toàn bộ khách hàng. Theo quy định của Vietinbank, đầu năm tài chính Vietinbank sẽ xem xét đề nghị và cấp giới hạn tín dụng của khách hàng và chủ động cấp giới hạn tín dụng cho các khách hàng tiềm năng. Việc cấp giới hạn tín dụng cho các ngành có sự chênh lệch lớn, tập trung vào một số ngành và một số khách hàng.

- Về thẩm quyền phê duyệt: Hội đồng tín dụng được quyết định các khoản tín dụng có giá trị từ 70% đến 100% mức ủy quyền Vietinbank cấp cho chi nhánh; Ban giám đốc: Phê duyệt các khoản tín dụng trong mức ủy quyền phán quyết Vietinbank giao.

- Hạn mức tín dụng: Đối với một khách hàng, ban lãnh đạo chi

nhánh được ủy quyền mức phán quyết là 30 tỷ đồng đối với tổ chức kinh tế và 8 tỷ đồng đối với cá nhân, hộ gia đình. Đối với một nhóm khách hàng, mức ủy quyền phán quyết sẽ không được vượt quá 10% dư nợ của chi nhánh tại thời điểm cấp tín dụng. Trong năm 2011, tại chi nhánh không có việc cấp tín dụng sai thẩm quyền và mức ủy quyền phán quyết (theo biên bản kiểm tra hoạt động tín dụng Vietinbank-Bắc Đà Nẵng năm 2011).

- Về đảm bảo tiền vay: chi nhánh thực hiện cho vay có tài sản đảm bảo là chủ yếu. Tuy nhiên, tỷ trọng cho vay không có tài sản đảm bảo giao động trên dưới 20% tổng dư nợ do chi nhánh thực hiện cho vay đồng tài trợ không có tài sản đảm bảo đối với các dự án cho vay đồng tài trợ và cho vay tín chấp đối với một số cán bộ nhân viên (tỷ trọng < 1%). Cho vay có đảm bảo bằng tài sản là nhà đất luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ, chiếm trên 60%. Tiếp theo là tỷ trọng dư nợ cho vay có đảm bảo bằng phương tiện vận tải. Dư nợ có đảm bảo bằng tài sản là máy móc thiết bị có tỷ trọng nhỏ.

- Về bảo hiểm tín dụng: Vietinbank đã triển khai nhiều chương trình và sản phẩm bảo hiểm tín dụng, thành lập hai công ty bảo hiểm là công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ VietinbankAviva và công ty bảo hiểm phi nhân thọ Bảo Ngân. Theo thống kê năm 2011, chỉ có 10% dư nợ được mua bảo hiểm vật chất cho tài sản đảm bảo bằng tài sản là phương tiện vận tải và không có dư nợ nào được mua bảo hiểm cho đối tượng vay vốn.

### ***b. Thực hiện quy trình tín dụng chặt chẽ, khoa học, hợp lý***

- Từ ngày 01/04/2012, chi nhánh thực hiện cho vay và kiểm soát tín dụng mô hình mới, có sự tách bạch giữa chức năng quản trị rủi ro và chức năng cho vay. Phòng nghiệp vụ tín dụng sẽ làm công tác tiếp xúc khách hàng. Mọi công việc thẩm định cấp tín dụng cho

khách hàng sẽ chuyển cho phòng quản lý rủi ro và nợ có vấn đề.

Tại chi nhánh việc tuân thủ quy trình chưa được thực hiện nghiêm túc. Có những khoản vay mà việc thực hiện các bước của quy trình tín dụng bị đảo lộn. Giải ngân rồi mới thực hiện thẩm định như một biện pháp hoàn thiện hồ sơ. Đây là điều tối kỵ trong công tác tín dụng.

- Sử dụng tốt kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ trong quyết định cho vay: việc chấm điểm xếp hạng tín dụng tại chi nhánh vẫn mang tính hình thức, kết quả xếp hạng tín dụng chưa phản ánh trung thực và khách quan tình trạng thực tế của khách hàng. Nguyên nhân là do: Bộ chỉ tiêu chấm điểm dùng chung cho mọi đối tượng khách hàng doanh nghiệp của chi nhánh là chưa phù hợp; Hệ thống chấm điểm nội bộ chưa có được mức chuẩn chung về tình hình tài chính, tốc độ tăng trưởng, khả năng sinh lời,... của riêng từng ngành và được cập nhật thường xuyên để so sánh kết quả chấm điểm của khách hàng trong cùng ngành; Hệ thống chỉ chấm điểm, xếp hạng mà chưa có các tiêu chí kết luận như xác suất vỡ nợ, tỷ lệ tổn thất khi thanh lý, tỷ lệ lỗ dự kiến,... để cảnh báo rủi ro tín dụng cụ thể cho từng khoản vay; Các chỉ tiêu đầu vào của khách hàng như báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo thu nhập chưa chính xác, minh bạch, công khai. Các thông tin chấm điểm phi tài chính thì mang tính chủ quan của cán bộ quan hệ khách hàng.

- Sử dụng tốt kết quả thẩm định trong quyết định cho vay: Công tác thẩm định còn bộc lộ một số vấn đề như kết quả của quyết định tín dụng gần như phụ thuộc vào ý kiến nhận xét và đề xuất của bộ phận thẩm định thuộc phòng quản lý rủi ro và nợ có vấn đề. Tuy nhiên, bộ phận này chủ yếu phân tích dựa trên hồ sơ khách hàng cung cấp và báo cáo thẩm định của các phòng khách hàng mà thiếu

sự tiếp xúc với khách hàng và các thông tin liên quan đến khoản vay nên có thể đưa ra các ý kiến tham mưu thiếu chính xác. Hiện nay, bộ phận thẩm định thuộc phòng quản lý rủi ro và nợ có vấn đề chịu sự quản lý của Ban giám đốc cho nên dưới áp lực cạnh tranh và bối cảnh kinh tế khó khăn, đôi khi kết quả thẩm định còn mang ý chí chủ quan của Ban lãnh đạo mà thiếu sự độc lập.

- Nội dung kiểm soát rủi ro trong hợp đồng tín dụng: Tại chi nhánh, mẫu các loại hợp đồng đã được soạn sẵn, cán bộ tín dụng chỉ việc thay đổi nội dung chính như thông tin khách hàng, thông tin khoản vay, thông tin về biện pháp bảo đảm. Thực tế, nhiều trường hợp cán bộ tín dụng không thay đổi hết các nội dung cần thiết gây khó khăn cho ngân hàng khi tranh chấp xảy ra.

- Giám sát nợ vay, khách hàng vay: Công tác này còn mang tính hình thức do các nguyên nhân sau: Cán bộ tín dụng không hiểu hết ý nghĩa của công tác này nên thực hiện qua loa, không phản ánh đúng thực trạng của khách hàng; Công việc quá nhiều khiến cán bộ tín dụng không đủ thời gian để đi kiểm tra theo quy định mà chỉ làm biên bản kiểm tra mang tính hình thức để hoàn thiện hồ sơ.

- Sớm phát hiện và xử lý nợ có vấn đề : Công tác xử lý nợ có vấn đề vẫn còn một số tồn tại như sau: Chưa có sự tách bạch rõ ràng trong quy định về trách nhiệm, quyền hạn thực hiện công tác xử lý nợ giữa phòng quản lý rủi ro và nợ có vấn đề và phòng quan hệ khách hàng nên thiếu sự phối hợp giữa hai phòng này; Thiếu sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan Tòa án.

### ***c. Tổ chức kiểm soát rủi ro tín dụng***

- Phân loại nợ: Hàng quý, ít nhất một lần, chi nhánh phải xếp hạng lại các khoản nợ cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc phân loại nợ tại chi nhánh được thực hiện thủ công nên còn sai sót về phân

nhóm nợ (do ý chí chủ quan của cán bộ tín dụng). Có một vài trường hợp khách hàng vay tại nhiều tổ chức tín dụng thì phải phân theo nhóm nợ cao nhất tại các tổ chức tín dụng nhưng chi nhánh không thực hiện phân theo quy định. Một số trường hợp khác khoản vay bị nhảy nhóm 2, sau khi thu nợ phải trừ thách trước khi chuyển về nhóm 1, chi nhánh cũng không thực hiện phân nhóm 2 trong thời gian trừ thách.

- Trích lập quỹ dự phòng xử lý rủi ro: Chi nhánh thực hiện trích lập dự phòng rủi ro. Tỷ lệ xử lý rủi ro so với số dư dự phòng trong những năm qua cho thấy tỷ lệ tổn thất tín dụng thực tế có đủ nguồn dự phòng để bù đắp như sau:

**Bảng 2.10: Dự phòng rủi ro - Vietinbank Bắc Đà Nẵng 2009-2011**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Dư nợ	Triệu đồng	385.196	818.735	1.276.944
Trích dự phòng hàng năm	Triệu đồng	4.072	9.097	12.258
XLRR hàng năm	Triệu đồng	3.220	5.758	6.691
Tỷ lệ XLRR/DPRR	%	79,10	63,31	44,53

(Nguồn: Báo cáo thường niên Vietinbank Bắc Đà Nẵng 2009-2011)

Số dự phòng rủi ro cụ thể phải trích sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều nếu kết quả phân loại nợ không đúng và giá trị tài sản không đúng. Tại chi nhánh đã có những trường hợp số tiền dự phòng cụ thể tăng do cán bộ tín dụng nhập sai giá trị tài sản đảm bảo, phân loại nợ sai.

- Quản lý tín dụng (hồ sơ tín dụng, hợp đồng tín dụng, tài liệu, tài sản đảm bảo và bảo lãnh): Hiện nay, chi nhánh đang sử dụng ứng dụng ECM với chương trình quản lý hồ sơ tín dụng điện tử được triển khai trên hệ thống của Ngân hàng Vietinbank. Nhưng do công

việc quá nhiều, cán bộ tín dụng không thể đưa hồ sơ lên ICDOC kịp thời phục vụ công tác kiểm soát rủi ro tín dụng.

#### ***d. Nhân sự***

Chi nhánh đã tuyển thêm nhân sự để đáp ứng yêu cầu công tác tín dụng. Tuy nhiên, nhân sự bộ phận quản lý rủi ro chưa đáp ứng được những tiêu chuẩn trên nên chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Để khắc phục và kiện toàn bộ máy nhân sự, chi nhánh đã thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên.

#### ***e. Tổ chức và khai thác tốt nguồn thông tin***

Thông tin phục vụ công tác tín dụng được khai thác qua phỏng vấn trực tiếp khách hàng, qua người quen và các đối tác, các cơ quan hữu quan, các công ty đại chúng,.... Ngoài ra, tại chi nhánh còn có dữ liệu về lịch sử quan hệ tín dụng phục vụ công tác tín dụng và khai thác thông tin tín dụng qua trung tâm thông tin tín dụng của ngân hàng nhà nước CIC. Thông tin phục vụ công tác thẩm định và kiểm soát rủi ro tín dụng cho từng khoản vay thiếu và độ tin cậy thấp.

#### **2.2.3. Kết quả đạt được**

- Trong bối cảnh nền kinh tế gặp khó khăn nhưng chi nhánh vẫn tăng trưởng nhanh về dư nợ và tỷ lệ nợ nhóm 2, nợ xấu giảm hơn so với những năm trước.

- Trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro hợp lý và hiệu quả. Kết quả trích lập dự phòng rủi ro cho thấy tỷ lệ dự phòng cụ thể trên dư nợ giảm dần qua các năm chứng tỏ tỷ lệ phát sinh nợ nhóm 2, nợ xấu giảm dần qua các năm. Công tác kiểm soát rủi ro tín dụng từng bước có sự tiến bộ.

### **2.3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG CỦA VIETINBANK- BẮC ĐÀ NẴNG**

#### **2.3.1. Thành công**



### **2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng**

#### ***a. Hạn chế trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng***

Chính sách khách hàng chưa được áp dụng với toàn bộ khách hàng của chi nhánh; Cấp tín dụng tập trung vào một số ngành nghề, lĩnh vực; Xếp hạng tín dụng nội bộ được thực hiện qua loa, thiếu trách nhiệm. Bộ chỉ tiêu của hệ thống xếp hạng nội bộ cứng nhắc; Kết quả thẩm định tín dụng chưa phản ánh đúng tình hình khách hàng để có quyết định tín dụng đúng đắn; Công tác thẩm định và định giá tài sản đảm bảo tín dụng chưa được thực hiện nghiêm túc; Thẩm định tín dụng tập trung không thực hiện được chức năng kiểm soát rủi ro; Bảo hiểm tín dụng chưa được quy định cụ thể về đối tượng phải mua bảo hiểm tín dụng; Nội dung hợp đồng tín dụng chưa được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo lợi ích của chi nhánh; Thực hiện giám sát nợ vay không đầy đủ theo quy định hoặc thực hiện qua loa, ước lệ; Chưa có sự tách bạch rõ ràng trong quy định về trách nhiệm, quyền hạn thực hiện công tác xử lý nợ giữa phòng quản lý rủi ro và nợ có vấn đề và phòng quan hệ khách hàng; Thiếu sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan thực thi pháp luật.

#### ***b. Nguyên nhân hạn chế công tác kiểm soát rủi ro tín dụng***

- Thiếu chiến lược kiểm soát rủi ro làm khung định hướng cho các chính sách tín dụng.

- Chính sách, quy trình tín dụng chưa phân biệt theo tính chất khách hàng, quy mô khoản tín dụng để đảm bảo kiểm soát được mức độ rủi ro.

- Cơ cấu tổ chức, thẩm quyền bộ phận quản lý rủi ro chưa đáp ứng nguyên tắc kiểm soát rủi ro.

- Nhân sự bố trí cho bộ phận quản lý rủi ro tín dụng không

tuân thủ quy định vì không đáp ứng điều kiện về trình độ, năng lực, kinh nghiệm tín dụng.

- Việc giám sát tín dụng của Vietinbank- Bắc Đà Nẵng chủ yếu tập trung vào từng khoản tín dụng mà chưa có hệ thống theo dõi cơ cấu và chất lượng tổng thể danh mục đầu tư tín dụng. Quy trình quản lý, đo lường và theo dõi tín dụng chủ yếu vẫn thực hiện thủ công. Bộ phận tín dụng không được sự hỗ trợ của bộ phận điện toán trong việc cung cấp các báo cáo để giám sát nợ vay và các công việc khác nhằm rút ngắn và tiết kiệm thời gian cho cán bộ tín dụng.

- Bộ chỉ tiêu chấm điểm xếp hạng chung chung, không có sự phân biệt trong từng tiêu chí; bị chi phối bởi ý muốn chủ quan trong quá trình chấm điểm.

- Nhân sự cho bộ phận quan hệ khách hàng còn mỏng và thiếu so với yêu cầu thực tế. Sự quá tải trong công việc, áp lực chỉ tiêu kế hoạch khiến nhân viên tín dụng mãi lo tăng trưởng dư nợ mà không chú tâm vào công tác giám sát nợ vay, làm cho việc phát hiện và xử lý nợ nhóm 2, nợ xấu trở nên thụ động.

- Chi nhánh chưa áp dụng các phương pháp tính toán cụ thể bằng công thức toán học về chi phí cơ hội khi xử lý rủi ro tín dụng.

- Môi trường kinh tế của Việt Nam chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, rủi ro về chu kỳ kinh doanh thường ngắn 5 –6 năm, rủi ro về môi trường pháp lý chưa hoàn thiện và thay đổi khá nhanh, quyền của chủ nợ chưa thực sự được tôn trọng, ngay cả khi nắm giữ TSBĐ thì việc xử lý cũng rất khó khăn, gây ra tổn thất cho ngân hàng.

- Chu kỳ phát triển kinh tế tác động đến hoạt động ngân hàng nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng. Khi nền kinh tế tăng trưởng, ổn định thì hoạt động tín dụng sẽ tăng trưởng và ít rủi ro hơn.

- Một môi trường công khai, minh bạch về tài chính chưa được

tạo lập, thiếu những thông tin chuẩn xác để kiểm chứng, thẩm định trong quá trình tác nghiệp của NHCT. Báo cáo tài chính doanh nghiệp còn thiếu minh bạch.

- Nhiều đối tác (khách hàng) của chi nhánh năng lực tài chính còn mỏng, công nghệ ở mức thấp, trình độ quản lý cũng rất hạn chế.

- Hiệu quả công tác giám sát, kiểm tra hoạt động quản trị RRTD liên quan đến vai trò của Thanh tra NHNN còn thấp.

### **CHƯƠNG 3**

#### **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT**

#### **RỦI RO TÍN DỤNG TẠI VIETINBANK- BẮC ĐÀ NẴNG**

#### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG THỜI GIAN TỚI**

##### **3.1.1. Dự báo các yếu tố tác động đến mức độ rủi ro tín dụng của Vietinbank- Bắc Đà Nẵng**

- Môi trường kinh tế xã hội thiếu ổn định. Nguy cơ sản xuất trong nước chịu sự cạnh tranh lớn.

- Nhu cầu vốn của nền kinh tế rất cao. Khu vực kinh tế tư nhân sẽ là khu vực kinh tế phát triển năng động nhất trong nền kinh tế, nhu cầu vốn lớn để phát triển sản xuất.

- Mức độ cạnh tranh trên thị trường tài chính tiền tệ diễn ra gay gắt. Vietinbank- Bắc Đà Nẵng sẽ phải đối mặt với các đối thủ cạnh tranh hơn hẳn mọi mặt .

##### **3.1.2. Định hướng Vietinbank- Bắc Đà Nẵng**

Trong thời gian tới, Vietinbank- Bắc Đà Nẵng sẽ tiếp tục đổi mới, nâng cấp công tác tổ chức, quản trị điều hành đồng thời đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đầu tư và đổi mới công nghệ, nâng cao chất

lượng dịch vụ, kiểm soát nợ xấu. Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức Đảng, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội thể hiện trách nhiệm Vietinbank với cộng đồng. Mục tiêu kinh doanh đặt ra là tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng, chiếm lĩnh thị trường trên cơ sở đảm bảo an toàn, bền vững. Đồng thời cần chú trọng công tác cán bộ để nâng cao hiệu quả công tác tư vấn và phục vụ khách hàng.

### **3.1.3. Định hướng và mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng của Vietinbank- Bắc Đà Nẵng trong thời gian tới**

Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý điều hành của lãnh đạo chi nhánh, lãnh đạo phòng ban, tổ nghiệp vụ; Chấn chỉnh và đẩy mạnh các hoạt động nghiệp vụ nhằm tăng cường huy động vốn, mở rộng và nâng cao chất lượng tín dụng, phát triển dịch vụ ngân hàng; Tập trung thu hồi nợ ngoại bảng, nợ xấu và nợ nhóm 2; Xây dựng và thực hiện tốt chính sách khách hàng, giữ vững khách hàng hiện có, khôi phục quan hệ với khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới đồng thời tăng cường sự hợp tác với khách hàng để đạt hiệu quả hơn; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao chất lượng quản lý rủi ro; Xây dựng đoàn kết nội bộ, phát huy vai trò lãnh đạo của chi bộ, sự phối kết hợp với ban chấp hành công đoàn, đoàn thanh niên trong quản lý điều hành hoạt động chi nhánh.

## **3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TẠI VIETINBANK- BẮC ĐÀ NẴNG**

### **3.2.1. Thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc phân tán rủi ro trong quản lý danh mục cho vay**

- Không tập trung cấp tín dụng cho một ngành, một lĩnh vực hay một khu vực.
- Không nên dồn vốn đầu tư vào một hoặc một số khách hàng.
- Đa dạng hoá các sản phẩm tín dụng.

### **3.2.2. Thực hiện nghiêm túc việc tuân thủ quy trình tín dụng**

#### ***a. Trong công tác thu thập và sử dụng thông tin khách hàng***

Muốn cho vay đảm bảo được an toàn, ngân hàng phải nắm đầy đủ các thông tin về khách hàng để xem xét, quyết định cho vay và giám sát sau khi vay như: thông tin hồ sơ pháp lý, tình hình tài chính, tình trạng nợ nần, tài sản bảo đảm, khả năng hoàn trả và các thông tin cần thiết khác của khách hàng vay. Trường hợp khách hàng tiềm năng đề nghị món vay lớn từ trên 02 tỷ đồng, Vietinbank- Bắc Đà Nẵng nên qui định nhất thiết phải có cán bộ lãnh đạo cấp chi nhánh cùng đi thực địa thay cho 03 tỷ đồng như hiện nay

#### ***b. Công tác thẩm định tín dụng***

Để công tác thẩm định tín dụng đạt kết quả tốt, cần quán triệt với bộ phận khách hàng tuyệt đối không giảm bớt điều kiện cấp tín dụng khi chuyển hồ sơ sang bộ phận thẩm định tín dụng và bộ phận thẩm định không giảm bớt điều kiện trong thẩm định tín dụng. Kết quả thẩm định của bộ phận thẩm định phải phản ánh trung thực tình hình khách hàng và phải được lãnh đạo tin tưởng, sử dụng vào quyết định tín dụng. Ngoài ra, công tác thẩm định phải đúng và đầy đủ các bước trong hướng dẫn tại quy trình thẩm định tín dụng của Vietinbank.

### **3.2.3. Nghiêm chỉnh chấp hành quy chế đảm bảo tiền vay**

Hiện nay, tình trạng nợ quá hạn vẫn còn và yếu tố tài sản đảm bảo tại thời điểm này được xếp lên hàng đầu. Vì vậy, chi nhánh cần phải có quy định chặt chẽ hơn về tài sản đảm bảo, cũng như tính chính xác của giấy tờ sở hữu tài sản của khách hàng để tránh khách hàng dùng một tài sản để thế chấp vay nhiều chỗ. Khi nhận tài sản cần chú ý khả năng phát mại tài sản và kiểm tra kỹ giấy tờ chứng

nhận quyền sở hữu. Ngoài ra, ngân hàng nên có quan hệ tốt với địa phương tránh vướng mắc trong quá trình xử lý tài sản thế chấp. Đồng thời, ngân hàng nên yêu cầu tất cả các thành viên có liên quan đến tài sản bảo đảm ký vào giấy đề nghị vay vốn; cần hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do khả năng xảy ra rủi ro tín dụng bằng hình thức mua bảo hiểm tín dụng.

#### **3.2.4. Có quy định cụ thể rõ ràng về đối tượng phải mua bảo hiểm trong chính sách cho vay**

Chi nhánh cần có một quy định rõ về đối tượng vay vốn phải mua bảo hiểm như là khách hàng trên 60 tuổi vay tiêu dùng thì phải mua bảo hiểm nhân thọ, các ngành hàng có độ rủi ro cao như ga, xăng dầu, ... phải mua bảo hiểm cho đối tượng vay vốn, tài sản thế chấp là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thì phải mua bảo hiểm vật chất cho tài sản thế chấp... Đào tạo cán bộ khách hàng như là những chuyên viên tư vấn bảo hiểm chuyên nghiệp để có thể tư vấn, thuyết phục khách hàng mua bảo hiểm. Bên cạnh đó, cần có đề nghị với công ty TNHH bảo hiểm phi nhân thọ Bảo Ngân, công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AVIVA tính toán lại mức phí bảo hiểm phù hợp và chuyên nghiệp trong việc chi trả bảo hiểm.

#### **3.2.5. Thiết lập mối quan hệ tốt và lâu bền đối với khách hàng**

Thiết lập mối quan hệ tốt và lâu bền với khách hàng giúp ngân hàng có điều kiện nắm vững các thông tin có liên quan tới khách hàng và có đối sách thích hợp để có thể đứng vững trong môi trường cạnh tranh.

#### **3.2.6. Duy trì và tranh thủ mối quan hệ hợp tác giúp đỡ của các cơ quan chức năng**

Cơ quan thi hành án có chức năng thực thi pháp luật. Cơ quan

công an, Ủy ban nhân dân tại địa phương là nơi quản lý các vấn đề về nhân thân, hộ khẩu,... của người vay. Mọi di biến động của người vay đều được cơ quan này kiểm soát. Vì vậy, tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan này trong việc tìm hiểu khách hàng trong khâu thẩm định, quản lý khoản vay và thu nợ, xử lý rủi ro tín dụng là hết sức quan trọng.

### **3.2.7. Củng cố và nâng cao chất lượng nhân sự làm công tác tín dụng và quản lý rủi ro**

#### ***a. Nâng cao sự đồng thuận, thống nhất hành động giữa lãnh đạo và nhân viên trong thực hiện chính sách tín dụng***

Chi nhánh thực hiện theo chính sách tín dụng do trung ương chỉ đạo trong từng thời kỳ. Lãnh đạo cấp phòng cần nâng cao trách nhiệm quản lý nhân viên trong phòng, kịp thời phổ biến các thay đổi về chính sách tín dụng cho nhân viên. Giáo dục và trau dồi, thấm sâu vào mỗi cán bộ nhân viên của NHCT hiểu rõ các rủi ro liên quan có thể xảy ra, giúp họ nhận biết và là tuyến đầu phát hiện kiểm soát rủi ro, không che giấu.

#### ***b. Nâng cao phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ làm công tác tín dụng và cán bộ quản lý rủi ro***

Cần quán triệt với cán bộ không vì ý muốn chủ quan mà giảm các điều kiện vay vốn hoặc không làm đúng quy trình cho vay và kiểm soát rủi ro tín dụng. .

#### ***c. Sắp xếp, tuyển thêm nhân sự làm công tác tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đồng thời nâng cao trình độ thẩm định cho cán bộ thẩm định rủi ro***

Hiện nay, số lượng khách hàng và dư nợ lớn sẽ khiến cán bộ quản lý rủi ro không hoàn thành công việc, ảnh hưởng đến công tác tín dụng của chi nhánh. Vì vậy, cần tăng cường nhân sự cho phòng

thẩm định rủi ro, giảm tải công việc cho cán bộ thẩm định và quản lý rủi ro tín dụng để công việc trôi chảy hơn.

***d. Nâng cao trình độ thẩm định tài sản đảm bảo***

Đảm bảo tính chuyên nghiệp trong định giá tài sản đảm bảo. Định giá phải lường trước được sự biến động của thị trường, đảm bảo thu đủ nợ gốc và lãi khi phải dùng tài sản để thu hồi. Có thể lập một tổ chuyên thẩm định tài sản. Tổ này hoạt động độc lập và có ý kiến quyết định trong việc thẩm định tài sản đảm bảo.

***e. Đào tạo kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin phục vụ công tác tín dụng và kiểm soát rủi ro một cách hiệu quả***

Cần đào tạo kỹ năng tìm kiếm và phân tích thông tin cho đội ngũ nhân sự làm công tác tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng. Đề xuất phòng điện toán của chi nhánh hỗ trợ phần mềm quản lý thông tin cụ thể danh mục khách hàng, xây dựng hệ thống báo cáo rủi ro tín dụng. Yêu cầu tất cả cán bộ làm công tác tín dụng hiểu, sử dụng thành thạo công cụ trên, phục vụ công tác tín dụng tốt hơn .

***f. Đào tạo bản lĩnh và kỹ năng xử lý nợ***

Cán bộ tín dụng là người sẽ trực tiếp tiếp xúc với khách hàng nên việc xử lý nợ cũng cần kỹ năng và bản lĩnh. Khi có nợ có vấn đề phát sinh, cần nhất là suy nghĩ tích cực và sự bình tĩnh của cán bộ tín dụng. Đào tạo cán bộ tín dụng biết kiềm chế cảm xúc, biết đối xử ân cần, lắng nghe và chia sẻ, động viên, cùng khách hàng bàn bạc phương pháp khắc phục khó khăn để thu nợ cho ngân hàng.

**3.3. KIẾN NGHỊ**

**3.3.1. Kiến nghị với Vietinbank**

Nghiên cứu bộ chỉ tiêu xếp hạng tín dụng cụ thể, chi tiết, phù hợp với các đối tượng khách hàng; Cho phép chi nhánh chủ động kết xuất các báo cáo tín dụng phục vụ công tác tại chi nhánh. Cho phép



chi nhánh tuyển thêm cán bộ tín dụng.

### **3.3.2 Kiến nghị với NHNN**

a. NHNN cần phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thiện và khẩn trương ban hành hệ thống kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế

b. Nâng cao chất lượng hoạt động Trung tâm thông tin tín dụng

### **3.3.3. Kiến nghị với Chính phủ**

a. Chính phủ cần hoàn thiện quy trình xử lý tài sản đảm bảo, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ để ngân hàng nhanh thu hồi nợ.

b. Xây dựng hệ thống thông tin quốc gia công khai.

c. Sự thay đổi các chính sách của Nhà nước cần được công bố rõ ràng và có thời gian cần thiết để chuyển đổi.

d. Bộ tài chính cần có biện pháp giám sát chặt chẽ sự tuân thủ chế độ tài chính, chuẩn mực kế toán của các doanh nghiệp và các đơn vị kinh doanh để đảm bảo hạch toán đúng và đầy đủ doanh thu, chi phí. Bộ tư pháp cần hiện đại hóa hệ thống thông tin nhằm cung cấp thông tin nhanh hơn và với các phương thức hiện đại hơn để đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay.

## KẾT LUẬN

Trong hoạt động kinh doanh ngân hàng hiện nay, trước bối cảnh nền kinh tế đang trải qua nhiều biến động và khó khăn, các chủ thể trong nền kinh tế gặp nhiều khó khăn trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thị trường chứng khoán và bất động sản biến động bất bình, khó lường, các NHTM có nguy cơ gia tăng nợ xấu, khả năng không thu hồi được nợ gia tăng, chất lượng tín dụng ngày càng suy giảm. Vì vậy, hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản trị của Vietinbank- Bắc Đà Nẵng. Tự bản thân chi nhánh cần phải hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trên cơ sở sự hỗ trợ của Vietinbank, NHNN và Chính phủ để thúc đẩy hoạt động tín dụng phát triển an toàn, hiệu quả, mức độ rủi ro trong giới hạn của ngân hàng. Những kết quả nghiên cứu luận văn hy vọng sẽ góp một phần nhỏ trong việc hoàn thiện công tác kiểm soát rủi ro tín dụng tại Vietinbank- Bắc Đà Nẵng, đưa Vietinbank - Bắc Đà Nẵng trở thành chi nhánh dẫn đầu trong công tác kiểm soát an toàn rủi ro tín dụng trong hệ thống Vietinbank, đủ sức cạnh tranh với các NHTM trong và ngoài nước.